

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh: số 3288/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất bao bì tại Cụm công nghiệp huyện Đức Thọ của Công ty Cổ phần Sông La Xanh; số 2919/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án; số 3428/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Mở rộng Nhà máy sản xuất bao bì tại cụm công nghiệp Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4920/TTr-STNMT ngày 29/10/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty Cổ phần bao bì Sông La Xanh tại Văn bản số 275/CV ngày 14/5/2024 và hồ sơ kèm theo; ý kiến của Tổ thẩm định tại Văn bản số 2741/STNMT-MT ngày 25/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 51/SLX ngày 10/10/2024 của Công ty Cổ phần bao bì Sông La Xanh kèm theo hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện); ý kiến đồng ý của các thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần bao bì Sông La Xanh (địa chỉ: Thôn Châu Lĩnh, xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất bao bì tại Cụm công nghiệp Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy sản xuất bao bì tại Cụm công nghiệp Đức Thọ, huyện Đức Thọ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Đức Thọ, huyện Đức Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 30022110740 chứng nhận lần đầu ngày 15/05/2018, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 22/5/2020 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh về việc cho Công ty Cổ phần Bao bì Sông La Xanh thuê đất sử dụng vào mục đích đất cụm công nghiệp (thời hạn đến 31/10/2068 theo thời hạn Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 3288/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh).

1.4. Mã số thuế: 30022110740.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, kinh doanh bao bì.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

a) Phạm vi, quy mô:

Nhà máy sản xuất bao bì tại Cụm công nghiệp Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh được đầu tư xây dựng trên diện tích đất 26.591m², bao gồm các hạng mục công trình:

- Hạng mục công trình chính (diện tích 13.910m²) gồm: 05 nhà xưởng sản xuất và 01 nhà kho.

- Hạng mục công trình phụ trợ (diện tích 7.248m²), gồm: nhà điều hành sản xuất (480m²); trụ sở Công ty (480m²); nhà trực (16m²); nhà để xe công nhân (400m²); nhà bếp (60m²); cổng chính (12m²); cổng phụ (8m²); trạm điện (18m²); trụ cờ (6m²); sân đường nội bộ (5.438m²); mái nổi (235m²); bể chứa nước ngầm (95m²).

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường (5.433m²), gồm: Khu xử lý nước thải (20m²); cây xanh mặt nước (5.388m²); nhà chứa chất thải (25m²).

b) Công suất hoạt động của Cơ sở: Công suất của nhà máy là 3.100 tấn bao Jumbo/năm và 3.100 tấn bao sling/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Bao bì Sông La Xanh (đơn vị đề xuất), UBND huyện Đức Thọ (đơn vị phối hợp, kiểm tra, giám sát thực hiện), Tổ thẩm định (theo Quyết định số 153/QĐ-STNMT ngày 12/6/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên và quá

trình thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần bao bì Sông La Xanh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;
2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nêu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5 Trong quá trình thực hiện nêu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ban hành.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Đức Thọ (Phòng Tài nguyên và Môi trường) tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án “Nhà máy sản xuất bao bì tại Cụm công nghiệp Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB phụ trách NN;
- Công ty Cổ phần bao bì Sông La Xanh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Báú Hà

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình đào thải của con người (phân và nước tiểu);

- Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động nhà bếp, nhà ăn, tắm giặt rửa tay chân,... của cán bộ công nhân viên.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ quá trình đào thải của con người được xử lý ở các bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình sau đó được dẫn cùng với nước thải từ quá trình tắm giặt rửa chân tay, hoạt động nhà bếp, nhà ăn,... về Trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi dẫn vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hới Cầu Đồi 2 đoạn chảy qua thôn Cầu Đồi, xã Tân Dân, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m): 20 47799; Y(m): 05 08326 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $30,0m^3$ /ngày đêm.

2.2.4. Phương thức, chế độ xả nước thải: Nước thải sau xử lý được xả trên bề mặt nguồn tiếp nhận theo phương thức tự chảy; xả gián đoạn, tổng thời gian xả 08 giờ/ngày.

2.2.5. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,2). Chi tiết các thông số ở bảng dưới đây:

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1,2)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60

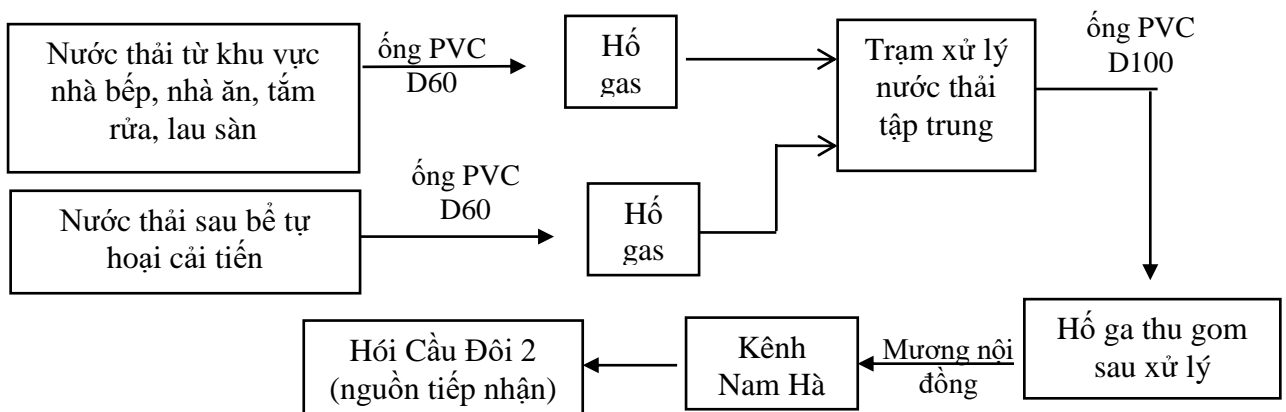
TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1,2)
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	36
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Sơ đồ thu gom các dòng thải nước thải sinh hoạt phát sinh:



- Công trình thu gom nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của con người (phân, nước tiểu) được thu gom về 03 bể tự hoại (01 cái 9m³ và 02 cái 12m³) ba ngăn đặt ngầm dưới công trình để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí. Sau đó được dẫn theo đường ống D60 (chiều dài 180m) về Trạm XLNT tập trung, trên tuyến bố trí 05 hố gas lắng cặn.

+ Nước thải từ hoạt động nhà bếp, nhà ăn, tắm rửa tay chân,... của cán bộ công nhân viên được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D60 (chiều dài 135m) dẫn về Trạm XLNT tập trung, trên tuyến bố trí 04 hố gas lắng cặn.

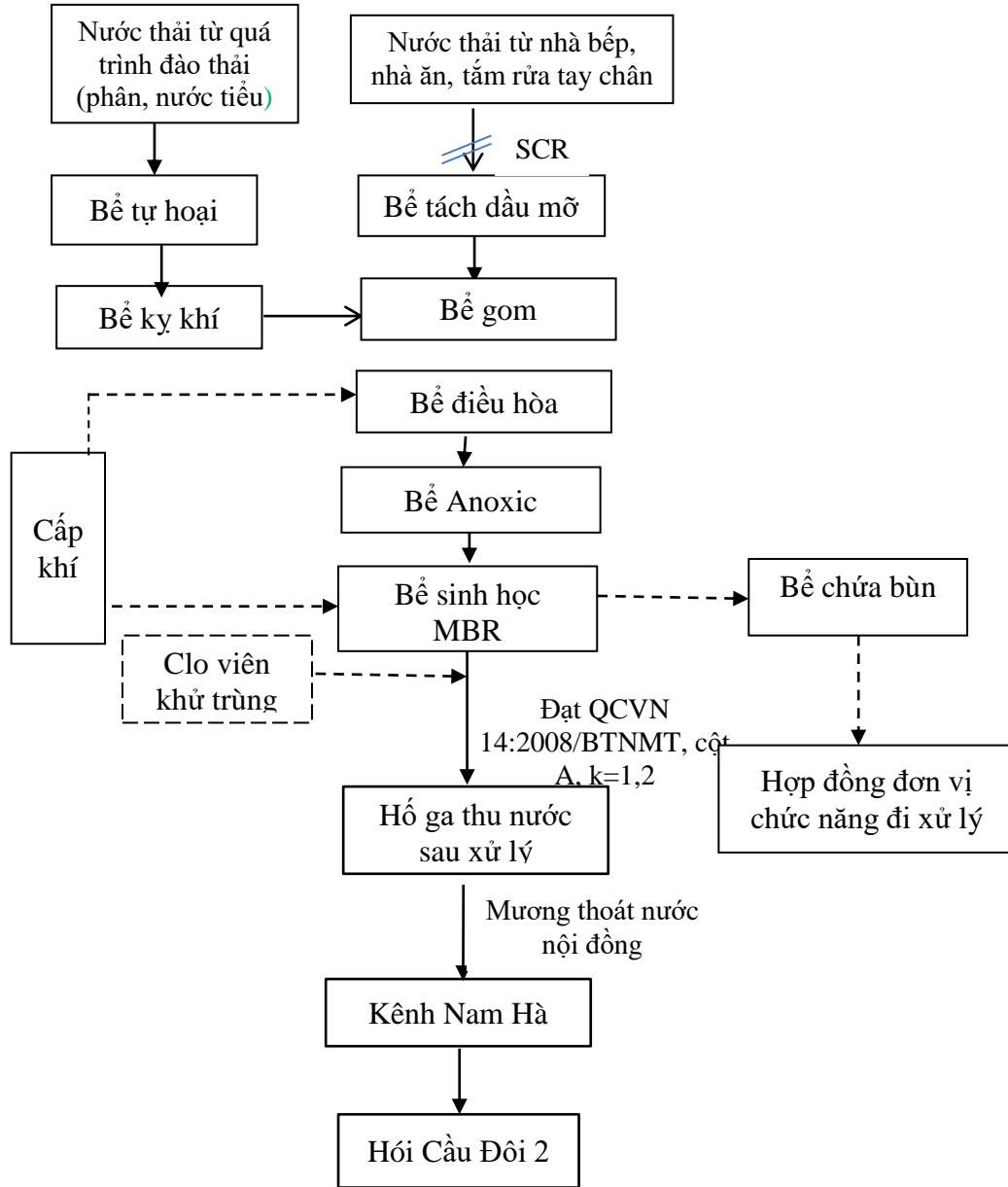
+ Trạm xử lý nước thải tập trung của nhà máy: công suất 30m³/ngày.đêm; công nghệ sinh học sử dụng màng lọc MBR để xử lý. Chất lượng nước thải sau xử lý phải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT, k=1,2.

+ Nước thải sau khi ra khỏi Trạm xử lý nước thải tập trung được dẫn bằng đường ống PVC D100, dài 100m ra hố ga thu gom nước thải sau xử lý và thoát

ra điểm thoát nước phía Bắc (công thoát chung của CCN) có tọa độ X(m)=2047.799; Y(m)=508.326 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°), sau đó chảy theo kênh Nam Hà về Hối Cầu Đồi 2.

1.2. Công trình, thiết bị hệ thống xử lý nước thải:

* Sơ đồ, quy trình công nghệ Trạm xử lý nước thải tập trung:



* Danh mục các hạng mục của Trạm xử lý nước thải tập trung

TT	Công trình	Lưu lượng Nước thải	Thời gian lưu	Thể tích tính toán (m ³)	Kích thước bể (m)	Thể tích xây dựng (m ³)
1	Bể tách dầu mỡ 3 ngăn	30 m ³ /ngày = 1,25 m ³ /h	8h	13	3,0x1,6x3,0	14,4
2	Bể kỵ khí		5h	8,125	2,2x1,4x3	9,24
3	Bể gom		-	-	1,3x0,8x3	3,12
4	Bể điều hòa		6h	9,75	3,2x1,3x3	12,48



5	Bể anoxic		2h	3,25	0,8x2,0x3,0	4,8
6	Bể chứa bùn		-	-	0,8x0,8x3,0	1,92
7	Bể MBR		8h	13	3,2x2,2x3,0	21,12
8	Hố gas thu gom nước thải sau xử lý		-	-	0,88x0,8x0,6	0,42

** Thuyết minh quy trình vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung:*

Bể kỵ khí: Nước thải của quá trình đào thải của con người được xử lý qua bể tự hoại sau đó được dẫn vào bể kỵ khí, nước thải tiếp tục được xử lý bằng phương pháp yếm khí (không có oxy). Các vi sinh vật kỵ khí lấy oxy trong chất hữu cơ, làm giảm nồng độ trong nước thải trước khi vào bể gom để xử lý các bước tiếp theo.

Bể tách dầu mỡ: Nước thải từ nhà bếp, nhà ăn, tắm rửa tay chân theo đường ống thu gom dẫn về bể tách dầu mỡ. Váng dầu mỡ sẽ được thu tại bể tách mỡ, phần váng nổi sẽ được thu gom vào thùng chứa để xử lý cùng với chất thải nguy hại, cát sẽ được lắng xuống đáy bể. Nước thải (đã tách dầu mỡ, cát) sẽ tự chảy sang bể gom.

Bể gom: có tác dụng gom các loại nước thải đầu vào của nhà máy như nước thải từ bể kỵ khí, nước thải từ bể tách dầu mỡ trước khi dẫn vào bể điều hòa.

Bể điều hòa: Bể điều hòa đóng vai trò trung chuyển cuối cùng trước khi vào hệ thống xử lý chính, đồng thời giúp điều hòa nước thải về lưu lượng cũng như chất lượng, tránh tình trạng tăng tải cục bộ vào các thời điểm khác nhau.

Bể Anoxic: Nước thải sau khi qua bể điều hòa sẽ tự chảy vào bể thiếu khí, tại đây nước thải được thực hiện quá trình nitrat hóa và Photphorit để xử lý N, P.

Để quá trình Nitrat hóa và Photphorit hóa diễn ra thuận lợi, tại bể thiếu khí bố trí máy khuấy chìm với tốc độ khuấy phù hợp. Máy khuấy có chức năng khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu oxy cho hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển.

Bể sinh học MBR: Nước thải sẽ được xử lý bằng công nghệ sinh học kết hợp màng lọc MBR là sự kết hợp giữa vi sinh trong bể bùn hoạt tính lơ lửng và công nghệ màng lọc sợi rỗng trong xử lý nước thải, hàm lượng bùn trong bể sinh học sẽ được giữ lại thông qua cơ chế vi lọc của màng, nhờ kích thước nhỏ (μm) nên nước thải sau khi ra khỏi màng có chất lượng rất tốt. Vi sinh vật, chất ô nhiễm, bùn bị giữ lại tại bề mặt màng; nước sạch được chảy qua màng lọc. Phần nước trong được bơm hút ra ngoài, phần bùn nằm lại trong bể và định kỳ tháo về bể chứa bùn. Nước thải từ bể sinh học MBR sẽ được khử trùng bằng clo dạng viên đặt tại đường ống đầu ra nước thải.

Bể chứa bùn: Bùn thải được gom về bể chứa bùn, bùn một phần sẽ được tuần hoàn, phần bùn dư còn lại được đưa đến bể chứa bùn và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A, k=1,2 trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

** Công suất thiết kế của Trạm xử lý nước thải tập trung:* Đạt tối đa 30 m³/ngày.đêm.

* *Hóa chất, vật liệu sử dụng:* Hoá chất Clo viên, định mức sử dụng 1,8kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ phụ trách vận hành giám sát Trạm XLNT tập trung, cán bộ vận hành trạm XLNT tập trung phải được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành;

- Bố trí kinh phí hàng năm để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có thể xảy ra.

- Vận hành và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc thiết bị trong Trạm XLNT tập trung theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; chuẩn bị phương án dự phòng trường hợp hư hỏng trang máy móc, thiết bị.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật để theo dõi sự ổn định của Trạm XLNT tập trung, đồng thời tạo cơ sở phát hiện sự cố một cách sớm nhất để kịp thời khắc phục sửa chữa.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố Trạm XLNT tập trung, nước thải sẽ được dẫn về lưu tại bể tách dầu mỡ 3 ngăn ($14,4\text{m}^3$) và bể kỵ khí ($9,24\text{m}^3$), tổng thể tích 2 bể: $23,64\text{m}^3$ có khả năng lưu nước thải trong khoảng 1 ngày. Trong thời gian này phải khuyến cáo khu vực nhà bếp hạn chế tối đa lượng nước phát sinh.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Nhà máy sản xuất bao bì đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 490/GP-UBND ngày 01/5/2022, thời hạn 5 năm; hiện tại giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (giấy phép môi trường thành phần) đang còn hiệu lực, do đó căn cứ khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục;

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

Phụ lục 02

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO
VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- + Khí thải từ phương tiện giao thông vận tải ra vào nhà máy
- + Khí thải từ máy phát điện dự phòng;
- + Bụi, khí thải tại các khu vực sản xuất và khu vực tái chế;
- + Khí thải, mùi hôi phát sinh từ mương thoát nước mưa, nước thải, từ Trạm xử lý nước thải tập trung;
- + Khí thải, mùi hôi từ các thiết bị thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt, từ nhà vệ sinh,...

2. Dòng và vị trí xả bụi, khí thải:

2.1. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào nhà máy; bụi, khí thải tại các khu vực sản xuất; khí thải, mùi hôi từ mương thoát nước mưa, nước thải, từ Trạm xử lý nước thải tập trung, từ các thiết bị thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt, từ nhà vệ sinh,...: là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không xác định lưu lượng, phương thức xả thải.

2.2. Đối với khí thải phát sinh từ khu vực tái chế

2.2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống thoát khí của nhà tái chế, có tọa độ X(m) = 2047.883; Y(m) = 508.319 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $5.000\text{m}^3/\text{giờ}$ (theo công suất của quạt hút)

2.2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả thải ra môi trường theo phương thức cưỡng bức (sử dụng quạt hút).

2.2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p = 1, K_v = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - $K_p = 1, K_v = 1,0$)
1	Bụi lơ lửng (TSP)	mg/m^3	200
2	CO	mg/m^3	1.000
3	SO ₂	mg/m^3	500
4	NO ₂	mg/m^3	850

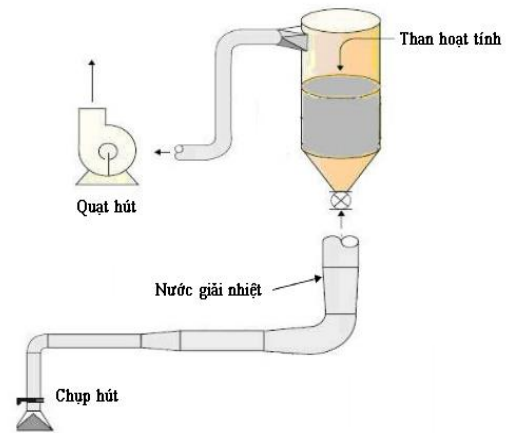
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Đối với khí thải từ khu vực tái chế:

- Thu gom khí thải trong quá trình tái chế các sản phẩm hư hỏng: lắp đặt hệ thống thu gom hơi nhựa từ công đoạn gia nhiệt bằng chụp hút tại vị trí phát sinh; khí thải được thu từ chụp hút theo ống dẫn khí đi qua hệ thống giải nhiệt bằng nước nhằm hạ nhiệt độ không khí sau đó được hút vào hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính trước khi ra môi trường.

- Công suất của hệ thống xử lý khí thải khoảng 5.000m³/h (tính theo công suất quạt hút), hệ thống thu gom khí được làm bằng tôn với chiều cao ống khí sau xử lý cao khoảng 0,7m. Than hoạt tính dùng trong thiết bị hấp phụ được định kỳ thay thế (khoảng 6 tháng/lần), khối lượng khoảng 05kg; than hoạt tính sau khi thay thế sẽ được xử lý cùng với chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh từ nhà máy. Khí thải đầu ra phải đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số $k_q=1,0$, $k_v=1,0$ trước khi thải ra môi trường.



1.2. Đối với bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực Nhà máy:

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ trong khuôn viên nhà máy; các xe lưu thông trong khu vực Nhà máy cần giảm tốc độ để hạn chế bụi và khí thải phát sinh.

- Trồng và chăm sóc cây xanh trên các tuyến đường và các khu vực trong khuôn viên nhà máy theo đúng quy hoạch được duyệt để tạo cảnh quan xanh nhằm giảm thiểu đến mức tối thiểu tác động của bụi và khí thải từ phương tiện giao thông ra vào khu vực Nhà máy.

1.3. Đối với bụi, khí thải trong các khu vực sản xuất và hơi dung môi công đoạn in, nhà xưởng, nhà bếp

- Áp dụng công nghệ sản xuất khép kín nhằm ngăn ngừa sự phát tán mùi nhựa từ quá trình gia nhiệt, định hình hạt nhựa ra môi trường

- Lắp đặt hệ thống thông gió nhà xưởng, làm mát cho phân xưởng sản xuất. Thông thoáng nhà xưởng bằng cửa thông gió và hệ thống quạt hút công nghiệp, cách nhau 3-6m có 1 quạt thông gió và quạt lắp cách mặt đất từ 2,5-3m.

- Tất cả công nhân làm việc tại nhà máy đều được trang bị bảo hộ lao động.

- Nếu có đơn hàng yêu cầu mới in trên sản phẩm; quá trình in đặt trong nhà xưởng thông thoáng có hệ thống quạt hút đẩy công nghiệp để điều hoà không khí khu vực sản xuất.

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vực nhà ăn, khu vực nhà vệ sinh; Trang bị các máy hút, lọc khói, khử mùi và quạt hút đưa khí thải ra ngoài, tạo thông thoáng trong khu vực nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu đốt sạch như khí

hóa lỏng, thiết bị dùng điện... (không sử dụng các loại nhiên liệu phát sinh nhiều khí thải như dầu, than).

1.4. Các biện pháp giảm thiểu khác:

- Tưới nước phun ẩm trên các tuyến đường giao thông nội bộ và đường kế cận nhà máy vào những ngày thời tiết nắng nóng; định kỳ duy tu, bảo dưỡng tuyến đường để đi lại thuận lợi và hạn chế phát tán bụi.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, nắp đậy hố gas; phun chế phẩm sinh học tại các vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt, tại Trạm xử lý nước thải tập trung,... để giảm mùi hôi.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại Cơ sở theo yêu cầu tại mục 1 phần B Phụ lục này;

2.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.

2.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường khu vực xung quanh nhà máy.

2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động làm phát tán bụi, khí thải của nhà máy gây ra./.

Phụ lục 03

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Chủ yếu từ phương tiện giao thông, hoạt động của các máy móc trong quá trình sản xuất tại các nhà xưởng; từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Xưởng sản xuất số 01 (hạng mục 01): Tọa độ X(m): 2047.966; Y(m): 508.236 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

+ Xưởng sản xuất số 02 (hạng mục 03): Tọa độ X(m): 2047.956; Y(m): 508.263 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

+ Xưởng sản xuất số 03 (hạng mục 04) : Tọa độ X(m): 2047.997; Y(m): 508.270 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

+ Xưởng sản xuất số 04 (hạng mục 06): Tọa độ X(m): 2047.927; Y(m): 508.308 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

+ Xưởng sản xuất số 05 (hạng mục 07): Tọa độ X(m): 2047.976; Y(m): 508.359 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

+ Vị trí đặt máy phát điện dự phòng (hạng mục 18): Tọa độ X(m)=2047.860; Y(m)= 508.289 (theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung tại các khu vực trong nhà máy phải đảm bảo không vượt quá giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giá trị giới hạn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	01 lần/năm	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		

1	70	60	01 lần/năm	Khu vực thông thường
---	----	----	------------	----------------------

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có mức ồn thấp để giảm bớt tiếng ồn phát sinh ra tại các khu vực sản xuất.

- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn có tiếng ồn cao được trang bị các nút tai chuyên dụng để giảm tiếng ồn.

- Các máy móc phải thường xuyên bảo dưỡng định kỳ.

- Khu vực sản xuất được bố trí hợp lý với các khu vực hành chính, nhà nghỉ công nhân và lắp đặt thiết bị chống ồn, giảm rung chuyên dụng cho một số máy móc sản xuất.

- Sử dụng máy phát điện có vỏ chống ồn và bộ giảm thanh, xây dựng nhà đặt máy phát điện riêng biệt, cách xa khu vực văn phòng, nhà nghỉ ca công nhân và lắp đặt các tấm đệm cao su ở các chân máy phát điện nhằm giảm phát sinh tiếng ồn, độ rung khi máy hoạt động.

- Tăng cường chăm sóc cây xanh chung quanh khu vực nhà máy để giảm mức thấp nhất tiếng ồn phát sinh từ Nhà máy và giảm ô nhiễm môi trường không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được áp dụng các biện pháp giảm thiểu bảo đảm tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 04

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh.

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/lần)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	30
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	600
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	3
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	50
5	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	KS	180
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	KS	120
Tổng cộng				983

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

- Phế phẩm sợi (từ công đoạn kéo sợi): khoảng 170kg/ngày;
- Bao bì đựng nguyên liệu hạt nhựa, bìa cát tông: khoảng 34kg/ngày.
- Vụn chỉ may, chỉ thừa: khoảng 3,4 kg/ngày.
- Palet gỗ hư hỏng trong quá trình vận chuyển sản phẩm: khoảng 10 kg/ngày.
- Sản phẩm lỗi trong quá trình cắt sản phẩm: khoảng 172kg/ngày.
- Sản phẩm lỗi do quá trình in ấn: khoảng 5kg/ngày.

- Bùn từ bể tự hoại: khoảng $75,8\text{m}^3/\text{lần}$ (định kỳ 2 năm vớt/lần).
- Bùn từ Trạm xử lý nước thải tập trung: khoảng $0,82\text{m}^3/\text{năm}$.
- Bùn từ nạo vét các hố gas, mương thoát nước: khoảng $2\text{m}^3/06$ tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (gồm: Giấy báo, thùng carton, túi nilon, thực phẩm dư thừa...): Khoảng $168,25\text{kg}/\text{ngày}$.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại.

2.1. *Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS).*

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng đựng CTNH, CTCNPKS (dung tích thùng khoảng 100lit/thùng) có nắp đậy, dán nhãn theo phân loại chất thải, đặt trong Kho lưu giữ CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS: Diện tích 10m^2 (ngăn kho lưu trữ chất thải rắn, diện tích 25m^2) gần hạng mục nhà kho số 8 nhà máy, có kết cấu kèo khung thép bịt tôn xanh, mái lợp tôn màu xanh, nền bằng bê tông M250 # đảm bảo không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đồng thời bố trí các dụng cụ, thiết bị PCCC tại kho lưu giữ CTNH theo quy định.

2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Chủ cơ sở thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các bao jumbo có sức chứa 500kg để thu gom các loại chất thải tại các điểm phát sinh đưa về kho lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường, khu vực tái chế.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

Kho chứa chất thải công nghiệp thông thường: Diện tích 10m^2 (ngăn kho lưu trữ chất thải rắn diện tích 25m^2) được bố trí gần hạng mục nhà số 8, có kết cấu kèo khung thép bịt tôn xanh, mái lợp tôn màu xanh, nền bằng bê tông M250 #, đảm bảo không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đồng thời bố trí các dụng cụ, thiết bị PCCC tại kho lưu chứa theo quy định.

2.2.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

- Đối với bao bì hư hỏng, lỗi tại công đoạn cắt sản phẩm và các phế phẩm sợi, bavia được tái chế làm hạt nhựa cung cấp nguyên liệu cho sản xuất.

- Đối với bao bì đựng nguyên liệu, vụn chỉ may, chỉ thừa, bìa cát tông, palet hư hỏng, định kỳ bán phế liệu.

- Các bao bì sản phẩm lỗi do quá trình in ấn được tái sử dụng làm bao đựng chất thải rắn trong các nhà xưởng sản xuất.

- Bùn ở Trạm xử lý nước thải tập trung và bùn từ bể tự hoại: hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, nạo vét, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định;

- Bùn cặn nạo vét tại các hố gas của mương thoát nước mưa được tái sử dụng vào khu vực trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt ở những điểm thuận tiện để thu gom, phân loại và lưu chứa tại các thùng đựng riêng biệt, cụ thể: Bố trí khoảng 15 thùng (loại thể tích 30 lít/thùng), tại các phòng làm việc hành chính (03 thùng), tại các phòng vệ sinh (06 thùng), tại các phòng nghỉ ca của cán bộ, công nhân viên (03 thùng); khu vực nhà ăn, nhà bếp (03 thùng); 03 thùng (loại thể tích 120 lít/thùng) đặt ở Khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt ngoài nhà điều hành. Mỗi điểm đều được bố trí 03 thùng cạnh nhau nhằm phân loại tại nguồn (bao gồm chất thải rắn tái chế, chất thải rắn thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác).

2.3.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt bố trí gần khu vực nhà kho số 8: có diện tích 5m², mái che lợp tôn, nền bằng bê tông M250.

2.3.3. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại có nguồn gốc kim loại như các lon đựng nước giải khát,...) sau khi được phân loại, thu gom và định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm hỏng và chất thải rắn sinh hoạt khác được phân loại, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp phòng cháy chữa cháy theo hồ sơ được Phòng Cảnh sát PCCC&CHCN - Công An tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 17/TD-PCCC ngày 29/03/2022.

- Thiết kế và lắp đặt hệ thống báo cháy theo TCVN 5738-2000

- Định kỳ tổ chức thực tập về PCCC cho cán bộ, công nhân nắm vững phương pháp xử lý sự cố và nghiệp vụ phòng chống cháy nổ

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ Công ty huy động lực lượng tại chỗ của Nhà máy và kết hợp với lực lượng của địa phương để ứng cứu.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố mưa bão, ngập lụt

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến của mưa, bão nhằm có phương án đối phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra, sửa chữa, tu bổ, chằng chống lại nhà cửa, công trình công cộng, chống cây xanh, cột đèn; chặt cành cây

gần khu vực đường dây tải điện, trạm biến áp để đề phòng cây đổ; khi gió to có thể cắt điện để phòng chập cháy.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão của Công ty, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

- Tuân thủ nghiêm ngặt những quy định trong việc sử dụng từng thiết bị máy móc trong xưởng sản xuất.

- Khi có sự cố hoặc nghi ngờ về thiết bị có sự cố xảy ra thì công nhân phải báo ngay cho người quản lý để kịp thời có phương án xử lý.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức, huấn luyện, kiểm tra và nhắc nhở người lao động chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định, về an 4 toàn lao động, vệ sinh lao động trong đơn vị.

- Thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm nêu trên để cải thiện môi trường lao động. Trang bị đầy đủ và nhắc nhở công nhân sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động trong quá trình hoạt động sản xuất, như: khẩu trang, nút bịt tai chống ồn, găng tay, ủng, quần áo bảo hộ,...

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác: Thực hiện đầy đủ các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./